

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2021
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân – Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1991; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Hà Quang Q, sinh năm 1991; vắng mặt;

Cùng nơi ĐKKHTT: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ;

Cùng nơi đăng ký tạm trú: Tổ 01, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N trình bày:

Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Quang Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 03/4/2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q mải chơi, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, bản thân chị N đã khuyên can nhưng anh Q không sửa chữa còn nhiều lần đánh đập chị N. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Hà Quang H, sinh ngày 06/6/2018 và cháu Hà Quang N, sinh ngày 08/6/2020. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 cháu/ 01 tháng.

Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Hà Quang Q vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Hà Quang Q có đăng ký tạm trú tại tổ 01, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hà Quang Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh N kết hôn với anh Hà Quang Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q mãi chơi, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, chị N đã khuyên can nhưng anh Q không sửa chữa còn nhiều lần đánh đập chị N. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh Hà Quang Q vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi của chị Nguyệt, thể hiện anh Q không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Quang Q có 02 con chung là cháu Hà Quang H, sinh ngày 06/6/2018 và cháu Hà Quang N1, sinh ngày 08/6/2020, khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/01 cháu/ 01 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị N là chính đáng. Anh Q không có ý kiến gì đối với việc nuôi con nên giao cháu H, cháu N1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Khi ly hôn cha mẹ phải có nghĩa vụ với con chung chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N được chấp nhận, cần buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu N1 là 2.500.000 đồng/01 cháu/ 01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu H, cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

[4] Về chia tài sản: Chị N, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Q phải chịu tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh N được ly hôn anh Hà Quang Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Quang H, sinh ngày 06/6/2018 và cháu Hà Quang N1, sinh ngày 08/6/2020. Anh Hà Quang Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu N1 là 2.500.000 đồng/01 cháu/ 01 tháng, kể từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu H, cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Q chậm thi hành, thì hàng tháng anh Q còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ánh N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0000004, ngày 05 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (chị N đã nộp đủ tiền án phí). Anh Hà Quang Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con (anh Q chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Quang Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
 - VKSND TP.Yên Bái;
 - Chi cục THADS TP.Yên Bái;
 - Các đương sự;
 - UBND xã P, H. P
- Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền